

# ĐẶC ĐIỂM VÙNG ĐẤT, CƯ DÂN VÀ PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER VÙNG TÂY NAM BỘ - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY\*

Hoàng Minh Đô

Học viện Chính trị Quốc gia  
Hồ Chí Minh  
Email: [hoangminhdo37@gmail.com](mailto:hoangminhdo37@gmail.com)

Ngày nhận bài: 21/7/2019  
Ngày phản biện: 12/8/2019  
Ngày tác giả sửa: 25/8/2019  
Ngày duyệt đăng: 10/9/2019  
Ngày phát hành: 30/9/2019

DOI:  
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/335>

*Tây Nam Bộ là vùng đất đặc thù cả về địa lý, cư dân và cả về Phật giáo Nam tông Khmer. Đây là vùng đất phì nhiêu do phù sa sông Mê Kông bồi đắp qua hàng ngàn năm lịch sử và có điều kiện tự nhiên thuận lợi với khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai màu mỡ, rất tốt cho sự phát triển nông - lâm - ngư nghiệp. Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đây rất đa dạng, phong phú, đặc biệt là tài nguyên đất, rừng và thủy hải sản. Trong quá trình phát triển của lịch sử, vùng đất này đã thu hút nhiều luồng dân cư đến sinh sống, trong đó có cả cư dân từ nhiều vùng trong cả nước và cư dân từ các nước láng giềng đến sinh sống, lập nghiệp. Vì vậy, việc nghiên cứu sâu những đặc điểm về vùng đất, cư dân và đặc điểm của Phật giáo Nam tông có ý nghĩa cho việc quán triệt vận dụng vào quá trình thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.*

**Từ khóa:** Cư dân Tây Nam Bộ; Phật giáo Nam tông Khmer; Chùa Phật giáo Nam tông; Nhà sư; Chính sách tôn giáo.

## 1. Đặt vấn đề

Trên cơ sở nghiên cứu về Chính sách đối với tổ chức, hội đoàn, chức sắc, nhà tu hành, cơ sở thờ tự của Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030, bài viết chất lọc, khái quát và rút ra những điểm chính về đặc điểm vùng đất, cư dân và nhất là đặc điểm của Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ. Từ đó, rút ra những vấn đề cần chú ý trong nhận thức đầy đủ tính phức tạp cả về mặt lịch sử và hiện tại về vùng đất, con người, hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer, ngôi chùa, sư sãi góp phần nâng cao hiệu quả trong thực hiện chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc trên vùng đất này.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Về vấn đề vùng đất, con người và Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ được nhiều nhà nghiên cứu đề cập, trong đó, chúng tôi đã tiếp cận một số công trình tiêu biểu như: *Vương quốc Phù*

*Nam - Lịch sử và văn hóa* (Ninh, 2005); *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam* (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, 2006); *Những ngôi chùa ở Nam Bộ* (Liên, 1995); *Phật giáo trong đời sống của người Khmer Nam Bộ* (An, 2003); *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long* (Cường & Ngọc, 2005); *Phật giáo Nam tông Khmer trong bối cảnh thống nhất và hội nhập* (Nhơn, 2008)... Tác giả tiếp cận và kế thừa các công trình nghiên cứu trên để đi sâu nghiên cứu và rút ra những đặc điểm nổi bật về vùng đất, cư dân, đặc điểm của Phật giáo Nam tông Khmer. Từ đó, đề xuất các kiến nghị về nhận thức, góp phần nâng cao hiệu quả trong thực hiện chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc ở khu vực Tây Nam Bộ.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng trong bài viết là các phương pháp chuyên ngành tôn giáo học và liên ngành, trong đó có phương pháp nghiên cứu lịch sử,

\* Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Bộ “Chính sách đối với tổ chức, hội đoàn, chức sắc, nhà tu hành, cơ sở thờ tự của Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030” (năm 2014).

phương pháp so sánh, phương pháp thu thập thông tin bằng quan sát tham dự, bảng hỏi, phỏng vấn sâu, phương pháp phân tích và tổng hợp...

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Đặc điểm vùng đất, cư dân vùng Tây Nam Bộ

Về vùng đất. Tây Nam Bộ, miền Tây Nam Bộ, vùng đồng bằng Nam Bộ hoặc vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng cực nam của Việt Nam. Tây Nam Bộ có 12 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương là: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang và thành phố Cần Thơ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2011, tổng diện tích các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 40.548,2km<sup>2</sup> và tổng dân số của các tỉnh trong vùng là 17.330.900 người (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, 2012). Tây Nam Bộ về phía Bắc giáp biên giới Campuchia với đường biên giới dài 340km; phía Tây giáp vịnh Thái Lan; phía Nam giáp biển Đông với đường bờ biển dài 743km, có vùng lãnh hải rộng 36.000km<sup>2</sup> (có 143 hòn đảo) và phía Đông giáp sông Vàm Cỏ.

Đây là vùng đất phì nhiêu do phù sa sông Mê Kông bồi đắp qua hàng ngàn năm lịch sử và có điều kiện tự nhiên thuận lợi, khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai màu mỡ, thuận lợi cho sự phát triển nông - lâm - ngư nghiệp. Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đây rất đa dạng, phong phú, đặc biệt là tài nguyên đất, rừng và thủy hải sản. Chính vì vậy, trong quá trình phát triển của lịch sử, vùng đất này đã thu hút nhiều luồng dân cư đến sinh sống, trong đó có cả cư dân từ nhiều vùng trong cả nước và cư dân từ các nước láng giềng đến sinh sống, lập nghiệp.

Về cư dân. Vùng đất Tây Nam Bộ không chỉ có các cư dân Khmer, mà còn có cả người Việt, người Hoa và người Chăm khai khẩn. Trong đó, người Khmer là cư dân có mặt ở vùng đất này lâu đời nhất.

Theo số liệu tổng điều tra dân số năm 2009, dân số toàn vùng Tây Nam Bộ có 17.447.266 người (chiếm khoảng 21% dân số cả nước), trong đó người Kinh có 16.036.217 người (chiếm 91,91% dân số toàn vùng), người Khmer có 1.260.640 người (chiếm 7,22%), người Hoa có 192.435 người (chiếm 1,1%), người Chăm có 14.982 người (chiếm 0,08%). Ngoài ra còn có một số ít cư dân của các dân tộc khác như Tày, Nùng, Thái, Mường... với dân số khoảng 4.600 người (chiếm 0,02% so với dân số toàn vùng). Đến năm 2019, dân số toàn vùng

là 17.273.630 người. Cùng với khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ là một trong ba vùng trọng điểm về vấn đề tôn giáo và dân tộc; có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh; có tiềm năng kinh tế lớn, nhưng lại là những vùng cư dân chậm phát triển nhất của nước ta hiện nay. Vì vậy, sự ổn định và phát triển ở những vùng trọng điểm này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của cả nước.

Các cư dân người Kinh, người Khmer, người Hoa, người Chăm... ở khu vực Tây Nam Bộ đã có nhiều thế kỷ sống xen kẽ, gần gũi nhau trong hành trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Quá trình cố kết ấy đã tạo nên truyền thống đoàn kết cả trong đấu tranh chống thiên nhiên và cả trong đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống giặc ngoại xâm cũng như trong khai khẩn vùng đất màu mỡ này. Tiếp nối truyền thống ấy, từ khi ra đời đến nay, Đảng ta đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ truyền thống đó, đã đoàn kết tập hợp mọi thành phần dân cư, dân tộc và tôn giáo, thực hành nhất quán chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo nên đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, làm nên những thành quả vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước. Ngoài mối quan hệ với các cư dân trong nước, các cư dân vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Nam Bộ còn có mối quan hệ với cư dân người Hoa ở Trung Quốc, cư dân người Chăm ở Campuchia và cư dân người Islam giáo ở Indonesia và Malaysia.

Về hình thái cư trú, các cư dân người Khmer thường cư trú thành từng phum, sóc tương đối riêng biệt, có tính khép kín, khá tách biệt với các cộng đồng cư dân khác. Thiết chế xã hội truyền thống của người Khmer xây dựng theo tổ chức tự quản phum, sóc khá bền vững. Việc quản lý xã hội truyền thống của người Khmer theo một cơ chế vận hành đặc biệt, bao gồm quyền lực cộng đồng và vai trò của Phật giáo Nam tông.

Cư dân người Khmer là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Họ chủ yếu làm ruộng, rẫy, canh tác lúa nước, trồng cây nông sản, kỹ thuật canh tác đã đạt đến trình độ khá cao. Các cư dân Khmer có tập quán lao động khá đặc trưng, đó là hình thức vắn công, đôi công. Trong những ngày bận rộn, vào mùa, các gia đình trong cùng một phum, sóc thường giúp nhau đôi công. Ngoài sản xuất nông nghiệp, người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ còn có một số nghề thủ công, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản và thương nghiệp. Ngày nay, hơn 90% dân số Khmer

sống bằng nghề nông, trồng lúa và hoa màu. Tuy nhiên, nền nông nghiệp của họ về cơ bản vẫn là nền kinh tế tiểu nông, phụ thuộc lớn vào thiên nhiên và bấp bênh. Hiện nay, số hộ nghèo, tái nghèo vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao, có nơi lên đến 30%.

Về thiết chế văn hoá truyền thống, người Khmer có một nền văn hoá truyền thống khá phong phú và đặc sắc, văn hóa của người Khmer mang đậm nghi lễ của cư dân lúa nước gắn với hệ thống lễ hội, với tục thờ thần liên quan đến mùa màng nông nghiệp... Văn hóa của người Khmer mang đậm màu sắc tôn giáo của Bàlamôn giáo và Phật giáo. Sự đan xen và hòa quyện giữa các yếu tố văn hóa trên đã tạo nên nét đặc trưng riêng cho văn hóa của người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ.

#### **4.2. Đặc điểm Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ**

*Một là, Phật giáo Nam tông Khmer có chung một nguồn gốc với Phật giáo Campuchia*

Theo chúng tôi đặc điểm trên có thể được luận giải trên ba phương diện chính sau:

- Phật giáo Nam tông Khmer là Phật giáo theo truyền thống truyền thừa. Phật giáo Nam tông Khmer được các nhà truyền giáo từ Nam Ấn Độ theo phái Thượng tọa bộ (Phật giáo Nguyên thủy) vượt biển tới Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, theo đường biển tới vùng sông Mê Kông (Campuchia) và sau đó vào vùng phía Nam Việt Nam. Truyền thống truyền thừa của Phật giáo Nam tông Khmer đã song hành cùng dân tộc khoảng mười thế kỷ. Theo truyền thống đó, người Khmer Nam tông cũng chỉ tin thờ một vị Phật, đó là Phật Thích Ca. Truyền thống truyền thừa của Phật giáo Nam tông Khmer xuất hiện vào thế kỷ thứ IX, gắn với đế chế Khmer. Sự lắng xuống của Phật giáo Bắc tông và Mật giáo khi đó đã nhường chỗ cho Phật giáo Theravada (Nguyên thủy) vươn lên mạnh mẽ, vượt trội. Chính vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu Phật học đã khẳng định, trong sự vượt trội của Phật giáo Nguyên thủy, có đóng góp không nhỏ của Phật giáo Sri Lanka, Indonesia, Myanmar, Thái Lan. Trong tính hệ thống ấy, Phật giáo Campuchia cùng với Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ chính là một tiểu hệ thống của Phật giáo phía Nam Ấn Độ. Dưới góc độ Phật học thì, giáo lý Phật giáo Nguyên thủy là giáo lý Phật giáo thực hành, giáo lý hướng dẫn tu hành - cầm tay chỉ việc tức “thực tu, thực chứng”. Chính đặc điểm này đã giúp cho Phật giáo Nguyên thủy bám trụ vững chắc vào vùng đất mà các cư dân nơi đây trình độ văn hóa, dân trí chưa cao và phát triển trong suốt mười thế kỷ qua trong cộng đồng

người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ.

- Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ theo truyền thống Kinh tạng văn hệ Pàli<sup>1</sup>. Dưới nhãn quan của các nhà nghiên cứu Phật học và của chính các nhà sư thì truyền thống này được xem là cổ xưa và “chính thống”. Pàli còn gọi là Nam Phạn, là một ngôn ngữ thuộc nhóm Ấn - Aryan Trung cổ hay Prakrit. Nam Phạn là ngôn ngữ kinh điển của Phật giáo Nam tông, dùng trong việc chép kinh cùng tụng niệm (hiện vẫn đang được sử dụng phổ biến trong tín đồ), trong đó có bộ Kinh Tam tạng (tên theo tiếng Nam Phạn là Tipitaka). Ngày nay, Pàli được nghiên cứu chủ yếu là để tìm hiểu các bộ kinh của Phật giáo Nam tông và thường được sử dụng để tụng niệm trong các nghi thức tế lễ. Các trung tâm lớn nghiên cứu và sử dụng tiếng Pàli vẫn tồn tại ở các nước có truyền thống Theravada ở khu vực Đông Nam Á như Myanmar, Sri Lanka, Thái Lan, Lào, Campuchia và tiếp đó là Việt Nam.

- Về lối sống lấy Phật giáo Nam tông làm trung tâm quy tụ. Chính vì đặc tính này, Đức Phật có một vị trí cực kỳ quan trọng trong đời sống tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer, ngôi chùa và nhà sư vì vậy cũng có vai trò hết sức quan trọng.

*Hai là, ngay từ khi du nhập vào nước ta Phật giáo Nam tông đã gắn chặt với một cộng đồng dân cư xác định là đồng bào Khmer vùng Nam Bộ*

Thực tiễn mười thế kỷ qua cho thấy, ở đâu có đồng bào Khmer ở vùng Nam Bộ sinh sống, quần tụ thì ở đó có Phật giáo Nam tông. Đồng bào Khmer ở vùng Nam Bộ chính là người mang Phật giáo Tiểu thừa từ quốc vương Chân Lạp cổ du nhập vào vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cả hai dòng Phật giáo Nam tông hiện có ở vùng Nam Bộ dù là dòng Thomajud hay dòng Mahanikai đều là Phật giáo Nam tông của người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ. Chính vì vậy, Phật giáo Nam tông ở khu vực Tây Nam Bộ luôn gắn chặt với cộng đồng người Khmer ở vùng Nam Bộ trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Phật giáo Nam tông có thể được xem là tôn giáo độc tôn của người Khmer ở vùng Nam Bộ. Hiện nay, ở khu vực Tây Nam Bộ có gần 1,3 triệu người dân Khmer sinh sống, điều đó cũng có nghĩa là ở vùng đất này có gần 1,3 triệu tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer. Vấn đề tôn giáo ở vùng đất này cũng gắn liền và không thể tách rời với vấn đề dân tộc, chính sách tôn giáo cũng vì vậy gắn liền với chính sách dân tộc.

<sup>1</sup> Tiếng Pàli là một trong số các ngôn ngữ xưa nhất của ngữ hệ Ấn Âu. Các văn bản bằng chữ Pàli được thực hiện từ rất sớm và rất phổ biến.

*Ba là, đối với Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ, việc đi tu ở chùa là một quy định bắt buộc đối với nam giới (nữ giới thì không thể xuất gia tu hành)*

Đây có thể xem là một nét đặc thù khác với Phật giáo Bắc tông. Phật giáo Nam tông quy định người con trai nào cũng bắt buộc phải vào chùa đi tu (xuất gia tu hành) một thời gian, ít nhất là một tháng và nhìn chung không hạn chế về thời gian tu trong chùa. Đàn ông được khuyến khích vào chùa để tu theo một thời gian hoặc có thể tu trọn đời. Việc đi tu mang nhiều ý nghĩa: Tu để trả hiếu cho ông, bà, cha mẹ; tu để thể hiện trách nhiệm và tình cảm với quê hương, đất nước; tu để tỏ lòng thành kính với Đức Phật. Đối với người đã vào chùa đi tu muốn xin về nhà thì xin ra (gọi là “Sát”). Trong trường hợp sau quá trình tu ở chùa, người đi tu xin ra mà muốn trở lại để tu thêm cũng sẽ được chùa đón tiếp bình thường. Như vậy, trong quan niệm của Phật giáo Nam tông Khmer, người nam giới đi tu đủ thời gian quy định, sau đó xuất tu hoàn tục sẽ trở về với vai trò bình thường, nhưng sau đó nếu có nhu cầu, có nhân duyên với nhà Phật, được thọ lễ, trở lại chùa làm sư có nghĩa là làm người đại diện cho đức Phật. Theo tập quán, con trai người Khmer đến 13 tuổi phải vào chùa tu hành một thời gian. Nếu không qua một thời gian tu hành ở chùa thì chưa được coi là trưởng thành và không được xã hội tôn trọng. Với các quan niệm và tập quán ấy nên người con trai nào không trải qua việc đi tu ở chùa sẽ rất khó lấy vợ. Ngay cả vua chúa cũng bắt buộc phải có thời gian tu hành trong chùa như dân chúng. Đi tu là một quy định bắt buộc nên người nào không đi tu sẽ bị dân chúng coi thường và cho là không có Phật tính và thông hiểu đạo lý.

*Bốn là, nhà sư có ảnh hưởng rất lớn đối với tín đồ Phật giáo Nam tông*

Đối với tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer, sư sãi có ảnh hưởng rất lớn. Sư sãi được tín đồ sùng kính, tiếng nói của họ rất quan trọng đối với tín đồ và các sinh hoạt của phum, sóc. Với xã hội, nhà sư là thiêng liêng, bất khả xâm phạm trong suốt thời gian mặc áo cà sa. Pháp luật chỉ truy tố những vị sư nào phạm tội mà Hội đồng sư sãi đã trực xuất về thế gian. Nhà sư chính là đại diện cho đức Phật, thay lời đức Phật để truyền dạy và giáo hóa chúng sinh. Chính vì vậy, nhà sư có vị thế cao cả, linh thiêng, được tín đồ kính trọng và tin theo. Đối với Phật giáo Nam tông Khmer, khoảng cách giữa tín đồ và nhà sư không lớn, thậm chí rất gần gũi, nhưng vị thế

giữa nhà sư và tín đồ có khoảng cách khá xa. Trong một gia đình nào đó, bố đến chùa để bố thí, gắp con trai mình đang tu ở đó vẫn phải làm lễ, quỳ lạy cung kính chào nhà sư là con trai mình. Sự cung kính, tôn trọng ấy từ lâu đã trở thành truyền thống đạo đức của dân tộc Khmer và tạo nên sự riêng biệt của người Khmer.

Chính vì tôn trọng, sùng kính sư sãi nên tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer thường hay cúng dâng (bố thí) cho sư tăng và nhà chùa. Người Khmer cho rằng được dâng cúng đồ ăn cho sư là phúc lớn. Vì vậy, tín đồ của tôn giáo này không mấy quan tâm đến cuộc sống hiện tại, không lo tích góp để dành, cuộc sống đang nghèo khó túng bần nhưng vẫn thường xuyên đến chùa để cúng dâng. Có những trường hợp đói nghèo được Nhà nước và các tổ chức xã hội trợ giúp, được hỗ trợ tiền của để xóa đói, giảm nghèo, nhưng trên đường lĩnh tiền về ghé qua chùa mà thấy có lễ lạc thì họ cúng luôn vào chùa. Do sùng Phật và sùng kính sư nên nhiều nhà giàu có tự bỏ tiền ra để xây chùa và mời sư về trụ trì tạo nên các chùa của phum, sóc và dòng họ.

Hiện nay, số sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ có khoảng 9.000 vị. Tuy nhiên, trình độ của đội ngũ này còn chưa cao: 70% chỉ có trình độ văn hóa cấp I, 10% không biết chữ quốc ngữ. Kinh điển Phật giáo Nam tông Khmer hầu hết bằng văn hệ Pali, song phần đông sư sãi lại không thành thạo chữ Pali. Đây chính là những hạn chế lớn của đội ngũ sư sãi nơi đây trong tiếp nhận truyền bá giáo lý của Phật giáo Nam tông cũng như trong tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Một hiện trạng khác cũng rất cần phải quan tâm là đa số các sư trụ trì chùa tuối còn rất trẻ, chưa có kinh nghiệm, hạn chế về trình độ nhiều mặt về cả Phật học và Thế học.

*Năm là, ngôi chùa của đồng bào theo Phật giáo Nam tông Khmer có tầm quan trọng đặc biệt*

Khác với chùa Phật giáo Bắc tông và chùa Phật giáo Nam tông của người Kinh, chùa Phật giáo Nam tông Khmer có vị trí rất quan trọng và được xem là bộ mặt của phum, sóc. Người Khmer rất coi trọng, tự hào về ngôi chùa của mình và rất quan tâm tu sửa để ngôi chùa luôn được khang trang, sạch sẽ. Chùa chính là tâm điểm của cả đời sống trần tục và cả đời sống tâm linh tinh thần của đồng bào Khmer Nam tông.

Trước hết, chùa của Phật giáo Nam tông Khmer chính là trung tâm tín ngưỡng tôn giáo của người dân Khmer. Nhìn chung, mọi công việc đời thường

hàng ngày của người Khmer thường quan hệ đến chùa. Chùa là chỗ dựa của người Khmer, là nơi “sống gửi thân, chết gửi cốt”. Khi mới chào đời, người Khmer mặc nhiên trở thành Phật tử và ngôi chùa gắn bó với họ trong suốt cuộc đời, lúc sinh ra họ đã được đưa đến chùa để làm lễ cầu an, khi chết họ được làm lễ hoả thiêu, nhập cốt gửi vào chùa. Trong gia đình người Khmer mọi công chuyện từ to đến nhỏ đều ra chùa xin ý kiến sư. Các ngày trai giới, sóc, vọng... đều ra chùa để tụng niệm.

Chùa Phật giáo Nam tông Khmer không chỉ là nơi hành đạo, tu niệm, đồng thời còn là trường học dạy chữ cho con trẻ từ lúc các em mới 6,7 tuổi. Song song với hệ thống trường phổ thông các cấp của Nhà nước, “trường chùa” trở thành hệ thống giáo dục thứ hai để dạy chữ, dạy người. Cùng với hệ thống tri thức của giáo dục phổ thông, con em người Khmer vào chùa còn được học giáo lý, thực hành theo giới luật. Yêu cầu cao và đòi hỏi nghiêm khắc đối với các vị sư thực hiện đúng giới luật trong từng ngôi chùa đã tạo ra cho giới tu hành nếp sống chuẩn mực, có đạo hạnh và như vậy cũng đã tạo ra môi trường giáo dục nghiêm túc đó là “trường – chùa” và “sư – thầy”. Song hành với việc dạy chữ quốc ngữ ở các cấp học phổ thông, các chùa của người Khmer vẫn duy trì dạy chữ Pali, người Khmer vẫn học chữ truyền thống để duy trì chữ viết, bảo tồn kinh Phật viết bằng chữ Pali. Cùng với việc dạy chữ, chùa còn là nơi đào tạo kỹ năng lao động, nhất là kỹ năng xây cất chùa. Việc tôn tạo, xây dựng chùa thường kéo dài nhiều năm và chủ yếu là do các sư tự làm. Các Phật tử có tay nghề cao thường được các sư lựa chọn để xây chùa. Việc xây sửa chùa thường được các Phật tử có tay nghề cao tự nguyện và họ cũng sẵn lòng tự nguyện truyền dạy cho những thế hệ con em họ. Chính việc làm đó đã góp phần đào tạo và duy trì được một đội ngũ có kỹ năng lao động cao không chỉ phục vụ cho xây dựng, tôn tạo chùa, đồng thời còn giúp ích cho xã hội.

Chùa Phật giáo Nam tông Khmer còn là nơi giáo dục đạo đức, nhân cách cho người Khmer. Ngoài việc học giáo lý, tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer còn được, học đạo đức, học cách làm người ngay trong “trường chùa”. Chuẩn mực của Phật giáo Nam tông là tiết chế dục vọng, xa lánh tham, sân, si, thực hành vô ngã vị tha... làm điều thiện, điều lành, tránh xa điều ác... Tất cả các phẩm hạnh tốt đó đều được dạy dỗ trong các “trường chùa”. Như vậy, với sư là thầy giáo, chùa là trường, chùa Phật giáo Nam tông đã góp phần rất lớn trong việc giáo dục đạo đức, lối sống tạo nên nhân cách con người trung thực, giàu lòng nhân ái. Những chuẩn mực

đạo hạnh ấy phù hợp với chuẩn mực cơ bản của đạo đức xã hội, của con người của xã hội mới.

Chùa Phật giáo Nam tông Khmer còn là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng và thư viện để lưu giữ Kinh sách nhà Phật và là bảo tàng của phum, sóc. Mặc dù, Phật giáo Nam tông là tôn giáo chủ lưu của người Khmer, song là vùng cư dân nông nghiệp nên người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ có một đời sống tâm linh rất phong phú, đa dạng theo tín ngưỡng đa thần với nhiều hình thức tín ngưỡng dân gian chi phối. Vì vậy, hàng năm vào các ngày lễ, bà con trong phum, sóc tập trung về chùa làm lễ, tổ chức hội hè. Phật giáo Nam tông Khmer và người Khmer có rất nhiều lễ hội như Lễ Đản sinh (Rằm tháng tư), Lễ dâng y vào tháng 10 hàng năm (dâng cà sa cho các vị sư), Lễ Chol Chnam Thmay (Tết Nguyên đán của người Khmer), Lễ Đôn ta (cúng ông bà)... Hầu hết, các lễ đó đều có sự chủ trì của các sư. Nhiều ngôi chùa Khmer còn tổ chức các hoạt động văn hoá dân gian, như múa hát. Nhiều chùa Khmer hiện nay còn lưu giữ được những bộ nhạc cụ dân tộc rất độc đáo như chùa Xiêm Cán ở tỉnh Bạc Liêu. Như vậy, tại chùa ngoài sinh hoạt tôn giáo, các hoạt động văn hoá vẫn thường xuyên diễn ra.

Cùng với các hoạt động văn hóa, lễ hội được tổ chức tại chùa, chùa là nơi lưu giữ tốt nhất các Kinh sách của Phật giáo Nam tông Khmer và các văn hóa phẩm khác mà hàng ngày các Phật tử đến chùa để đọc, nghiên cứu, học hỏi. Hơn thế nữa, chùa còn là bảo tàng của phum, sóc để lưu giữ nhiều hiện vật quý giá. Đó có thể là những tượng Đức Phật bằng kim loại quý, đá cẩm thạch, chiếc ghe ngo, các đồ tế tự cho đến các bản Kinh bằng lá bối có niên đại nhiều thế kỷ...

Chùa không chỉ là nơi sinh hoạt văn hóa, hoạt động tâm linh mà còn là nơi hội họp của đồng bào Khmer đến từ các phum, sóc. Kể cả việc đạo và việc đời, mỗi khi các phum, sóc có việc, có chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước hoặc chính quyền địa phương cần phổ biến và triển khai thì chùa chính là một địa điểm tập trung bà con rất lý tưởng. Từ chùa nhiều hoạt động cộng đồng được phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực thi.

Một trong những vai trò quan trọng khác của chùa Phật giáo Nam tông Khmer, đó là nơi diễn ra nhiều hoạt động từ thiện nhân đạo. Hoạt động từ thiện nhân đạo là một trong những hoạt động điển hình của các tôn giáo. Phật giáo Nam tông Khmer cũng không phải là ngoại lệ. Ở nhiều chùa Khmer ta thường thấy không ít các hoạt động nuôi dưỡng người neo đơn, người già không có nơi nương tựa,

trẻ em mồ côi, khuyết tật. Với những đối tượng đó, chùa thật sự trở thành mái ấm tình thương cứu mang họ. Không những vậy, chùa còn là nơi cứu trợ, giúp đỡ bà con trong các phum, sóc bị thiên tai, bão lũ. Thông thường chùa có nhiều ruộng (do Phật tử có con em tu chùa góp ruộng), nên Ban quản trị chùa tổ chức sản xuất, tích trữ được tại chùa và thóc lúa dự trữ ấy được sử dụng một phần để làm từ thiện xã hội, cứu trợ.

#### **4.3. Những vấn đề đặt ra hiện nay từ việc nghiên cứu đặc điểm vùng đất, cư dân và đặc điểm của Phật giáo Nam tông Khmer**

Thứ nhất, cần phải nhận thức được rằng vùng đất cư trú của người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ ngày nay là vùng đất khai khẩn có lịch sử lâu đời và khá phức tạp. Qua nghiên cứu cho thấy, sự gia tăng của cư dân người Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ chủ yếu do di cư từ Campuchia đến. Trên mảnh đất này đã từng tồn tại nhiều quốc gia như Phù Nam, Thủy Chân Lạp. Vì vậy, trong nhận thức và giải quyết vấn đề tôn giáo và dân tộc ở vùng đất này cần phải lường trước những phức tạp từ những vấn đề của lịch sử để lại.

Thứ hai, hệ phái Phật giáo Nam tông chính là sự lựa chọn không thể khác được của các cư dân Khmer vùng đất Tây Nam Bộ và ngay từ khi du nhập vào nước ta Phật giáo Nam tông đã gắn chặt với một cộng đồng dân cư xác định là đồng bào Khmer ở vùng Nam Bộ. Ở đâu có đồng bào Khmer ở vùng Nam Bộ sinh sống, quần tụ thì ở đó có Phật giáo Nam tông. Đồng bào Khmer ở vùng Nam Bộ chính là người mang Phật giáo Nam tông từ quốc vương Chân Lạp cổ du nhập vào khu vực Tây Nam Bộ, do vậy, vấn đề đồng tộc, đồng tôn ở vùng đất này luôn gắn liền và không thể tách rời nhau. Mọi chính sách và phương sách giải quyết vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo cũng như thực hành chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo phải luôn song hành với nhau thì mới có hiệu quả. Tách rời vấn đề dân tộc Khmer với vấn đề Phật giáo Nam tông ở vùng đất Tây Nam Bộ tất yếu sẽ dẫn tới những sai lầm, thiếu sót. Ý thức cố kết cộng đồng dân tộc cùng dòng máu và ý thức cố kết cộng đồng cùng tín ngưỡng tôn giáo đã trở thành thường trực của người Khmer vùng Tây Nam Bộ, đó là điều mà các chủ thể quản lý không thể không tính đến cả hôm nay và mai sau.

Thứ ba, trong giải quyết vấn đề Phật giáo Nam tông Khmer và thực hiện chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc nơi đây cần phải đặt trọng tâm vào đội ngũ sư sãi. Sư sãi có vai trò cực kỳ quan trọng do

vậy khi hoạch định và thực thi các chính sách đối với đồng bào Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ và Phật giáo Nam tông Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ không chỉ Ban tôn giáo các cấp mà các ngành, các cấp phải nhận thức đầy đủ vai trò của sư sãi. Nhận thức được như vậy thì Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị mới phát huy cao nhất vai trò của sư sãi Phật giáo Nam tông trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc của mình. Sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer hiện có khoảng 9.000 vị song trình độ nhiều mặt, kể cả Phật học còn rất thấp. Vì vậy, trong những năm tới rất cần đầu tư mạnh vào việc đào tạo sư sãi và có chính sách hỗ trợ cho hệ thống trường lớp của Phật giáo Nam tông Khmer, trong đó, cần tập trung cho trường chùa, trường sơ cấp Pali (sơ cấp Phật học), trường trung cấp Pali (trung cấp Phật học) và trường cao cấp Pali (Học viện Phật giáo Nam tông).

Thứ tư, cần nhận thức lại và nhận thức đầy đủ về vai trò của ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer để có chính sách đầu tư thỏa đáng. Từ những phân tích trên cho thấy, chùa có vị trí rất quan trọng đối với cả tín đồ và sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer. Trong khi đó, ở khu vực Tây Nam Bộ hiện có nhiều chùa đã xuống cấp, rất cần được đầu tư tu sửa.

#### **5. Kết luận**

Qua nghiên cứu cho thấy, Tây Nam Bộ là vùng đất đặc thù cả về địa lý, cư dân và cả về Phật giáo Nam tông Khmer. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sâu những đặc điểm về vùng đất, cư dân và đặc điểm của Phật giáo Nam tông có ý nghĩa cho việc quán triệt vận dụng vào quá trình thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo hiện nay và những năm tới. Hy vọng những đặc điểm và những đề xuất mà chúng tôi đã trình bày trên sẽ hữu ích cho công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn hiện nay.

**Tài liệu tham khảo**

- An, Đ. T. (2003). Vài nét về văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào Khmer Nam Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (Số 5).
- An, P. (2003). Phật giáo trong đời sống của người Khmer Nam Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (Số 5).
- An, P. (2010). *Phật giáo Nam tông Khmer ở Việt Nam, Một số vấn đề cơ bản về Phật giáo Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*. Đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- Bach khoa toàn thư mở Wikipedia. (2012). *Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2011 phân theo địa phương*.
- Cường, N. M., & Ngọc, N. M. (2005). *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Cà Mau: Nxb. Phương Đông.
- Đô, H. M. (2014). *Chính sách đối với tổ chức, hội đoàn, chức sắc, nhà tu hành, cơ sở thờ tự của Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030*. Đề tài cấp Bộ, Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. (2006). *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
- Liên, T. H. (1995). *Những ngôi chùa ở Nam Bộ*. Nxb. Khoa học Xã hội.
- Nhon, D. (2008). Phật giáo Nam tông Khmer trong bối cảnh thống nhất và hội nhập. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (Số 5).
- Ninh, L. (2005). *Vương quốc Phù Nam - Lịch sử và văn hoá (sách tham khảo)*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa.

**FEATURES OF THE REGION, RESIDENTS AND THERAVADA BUDDHISTS OF THE SOUTHWEST REGION - THE ISSUES RAISED TODAY**

**Hoang Minh Do**

Ho Chi Minh National Academy of Politics  
Email: [hoangminhdo37@gmail.com](mailto:hoangminhdo37@gmail.com)

Received: 21/7/2019  
Reviewed: 12/8/2019  
Revised: 25/8/2019  
Accepted: 10/9/2019  
Released: 30/9/2019

DOI:  
<https://doi.org/10.25073/0866-773X/335>

**Abstract**

The Southwest region is unique in terms of geography, population, and Khmer Buddhism. This is a fertile land deposited by the Mekong alluvium for thousands of years of history and has favorable natural conditions with tropical monsoon climate, fertile soil, very good for agriculture - forestry - fishery development. The natural resources here are diverse and plentiful, especially land, forest and aquatic resources. During the development of history, this land has attracted many flows of people to live, including residents from many regions of the country and residents from neighboring countries to live and settle down. Therefore, the in-depth study of the characteristics of the region, its inhabitants and the characteristics of Theravada Buddhism is meaningful for the thorough application to the process of implementing national and religious policies in this period and the following years..

**Keywords**

Southwestern residents; Theravada Buddhism; Theravada Buddhism Temple; Monks; Religious policy.